

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG ĐẠI VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG ĐẠI VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI VIET ENERGY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109227760

3. Ngày thành lập: 17/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

1A Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02422148989

Fax:

Email: trangtientourist@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng khác; Ươm giống cây lâm nghiệp	0210
2.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3.	Khai thác và thu gom than non	0520
4.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
6.	Sản xuất than cốc	1910
7.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
8.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
9.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải; Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu; Thu gom rác thải	3700
10.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
11.	Thu gom rác thải độc hại	3812
12.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
13.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
14.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại	3830
15.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659

17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661
18.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
19.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
20.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931(Chính)
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch	4932
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa.	4933
23.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
24.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
25.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
26.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
29.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển ; Logistics.	5229
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở lưu trú như: Khách sạn, biệt thự du lịch (resort); phòng hoặc các căn hộ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; nhà trọ, phòng trọ, chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động; làng sinh viên, ký túc xã sinh viên; nhà điều dưỡng.	5510
32.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
33.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo Hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể	5629
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
35.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
36.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
38.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310

39.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô, xe máy	7710
40.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí Chi tiết: Thuyền giải trí, canô, thuyền buồm; Xe đạp; Ghế và ô tô trên bờ biển; Thiết bị thể thao khác	7721
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
42.	Đại lý du lịch	7911
43.	Điều hành tua du lịch	7912
44.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, kinh doanh đại lý lữ hành	7990
45.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
46.	Vệ sinh chung nhà cửa Chi tiết: các hoạt động vệ sinh nói chung (không chuyên dụng) cho tất cả các công trình như văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, Cửa hàng, cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác	8121
47.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
48.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
49.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
50.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
51.	Dịch vụ đóng gói	8292
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
53.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
54.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);	9321
55.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che ; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải	9329

6. Vốn điều lệ: 147.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

Thời gian đăng từ ngày 17/06/2020 đến ngày 17/07/2020

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ DUY TÂN	1A Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.820.000	88.200.000.000	60,000	035054001772	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	8.820.000	88.200.000.000	60,000		
2	NGUYỄN THU HÀ	1A Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.410.000	44.100.000.000	30,000	001184033284	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	4.410.000	44.100.000.000	30,000		

3	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Ngách 93/37 phố Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.470.0 00	14.700.000.000	10,000	012972204
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.470.0 00	14.700.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/03/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001184033284

Ngày cấp: 03/04/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC Về Trật Tự Xã Hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1A Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1A Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội